TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2022
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01A/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Duyên Thị M, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Duyên Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh D qua thời gian tìm hiểu sau đó về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn A vào năm 2018. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặt dù đã cố gắng hàn gắn để hạnh phúc gia đình không bị đỗ vỡ nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục

xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề các ngày 29/10/2021, ngày 05/11/2021 bị đơn anh Phạm Thanh D trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị M về quá trình hôn nhân là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên vợ anh yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung nhưng sau khi sinh xong là chị M đã cho người khác, giờ không biết ở đâu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà tọa lạc tại khu phố A, thị trấn B và 01 thửa đất có diện tích 06 công tầm 3m tọa lạc tại xã B, huyện C. Anh Chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D gửi đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng vào ngày 08/12/2021 trong quá trình tiến hành thủ tục xem xét đơn khởi kiện thì anh Phạm Thanh D đã làm đơn xin rút lại toàn bộ hồ sơ xin khởi kiện với lý do không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa anh D xác định không đồng ý ly hôn không phải vì còn thương chị M nhưng nếu ly hôn với chị M anh muốn bán nhà cũng bán không được vì không có chị M ký hợp đồng người ta không mua. Nên yêu cầu chị M phải về chia tài sản chung với anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt những quy định về quyền và nghĩa vụ

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị M.

Về nội dung vụ án: Chị M và anh D chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2018, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị xác định không còn tình cảm với nhau nay chị M yêu cầu ly hôn với anh D nhưng anh không thống nhất ly hôn chỉ vì lý do chưa chia tài sản chung chứ không phải vì còn thương chị M. Xét thấy anh chị xác định không còn tình cảm với nhau nên không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện anh chị đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Anh D không đồng ý ly hôn vì sợ ly hôn chị M không về anh không bán nhà được. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu cầu một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Duyên Thị M được ly hôn với anh Phạm Thanh D.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng không có con chung, anh D xác định vợ chồng có 01 đứa con chung nhưng lúc mới sinh đã cho người khác giờ không biết ở đâu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung. Từ khi Tòa án thụ lý đến trước khi mở phiên tòa anh D xác định có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 việc bổ sung yêu cầu chia tài sản đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Từ những phân tích như trên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử cho chị Duyên Thị M được ly hôn với anh Phạm Thanh D.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Duyên Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị M không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Duyên Thị M.

Nguyên đơn chị M yêu cầu ly hôn với bị đơn anh D. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn"; chị M yêu cầu ly hôn với anh D, anh D có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn B, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh D xác lập quan hệ hôn nhân năm 2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù anh chị đã có thời gian dài để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay chị M xác định không còn tình cảm với chồng, chị cương quyết yêu cầu ly hôn với anh D nhưng anh D không đồng ý ly hôn vì chưa chia tài sản chung chứ không phải vì còn thương chị M. Xét thấy anh chị không còn tình cảm với nhau nên không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện anh chị đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Anh D không đồng ý ly hôn vì sợ ly hôn chị M không về anh không bán được nhà. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu cầu một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Duyên Thị M được ly hôn với anh Phạm Thanh D là phù hợp.

[**2.2**] *Về con chung*: Chị M xác định vợ chồng không có con chung, còn anh D xác định vợ chồng có 01 đứa con chung nhưng lúc mới sinh đã cho người khác giờ không biết ở đâu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung. Từ khi Tòa án thụ lý đến trước khi mở phiên tòa anh D xác định có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 việc bổ sung yêu cầu chia tài sản đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX không chấp nhận. Nếu anh D có yêu cầu chia tài sản chung thì tiến hành thủ tục khởi kiện và Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết trong một vụ án khác.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng chị M chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003520 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: **C**hị Duyên Thị M được ly hôn với anh Phạm Thanh D.

2 - Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3- Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng chị M chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003520 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2022); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA